

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 446/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 01/4/2021.

Về việc “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Mạnh Đoan Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Thực;

Ông Phạm Văn Hề.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Danh Đồi – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 01 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai Vụ án dân sự thụ lý số 66/2021/TLST-HNGĐ ngày 16/3/2021 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1302/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/3/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Bích H**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: 13514 Bright View Lane Houston, TX77034, Hoa Kỳ, (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Trần Anh K**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: A9.07 Lô A, Chung cư Phú Gia, khu dân cư Phú Gia, Tổ 17, ấp 1, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo nội dung Đơn khởi kiện ngày 05/3/2021, nguyên đơn bà Trần Thị Bích H (Tran Huyen Thi Bich) trình bày:* Về quan hệ hôn nhân, bà H và ông Trần Anh K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định và được Ủy ban nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 40 ngày 08/11/2016. Sau khoảng thời gian chung sống hạnh phúc, cuộc sống vợ chồng càng về sau càng nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, sau đó bà H

đi nước ngoài định cư, từ đó hai vợ chồng sống ly thân cho đến nay. bà H xác nhận hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông K.

Về con chung: bà H khai bà và ông K không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: bà H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, bà H đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- Theo nội dung Bản tự khai ngày 25/3/2021, bị đơn ông Trần Anh K trình bày: ông K xác nhận những lời trình bày của bà H về thời điểm kết hôn, về mâu thuẫn chung của vợ chồng, về con chung, tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung là đúng. Nay bà H yêu cầu ly hôn, ông đồng ý. Đồng thời, ông đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án:

Xét thấy, bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông K và bà H hiện đang cư trú tại 13514 Bright View Lane Houston, TX77034, Hoa Kỳ nên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết vụ án về hôn nhân gia đình là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Xét Đơn khởi kiện, Giấy ủy quyền ngày 05/3/2021 của bà Trần Thị Bích H đã được chứng thực hợp pháp hóa bởi Tổng Lãnh sự quán nước CHXHCN Việt Nam tại Houston, Texas, Hoa Kỳ nên đây được xem là chứng cứ hợp pháp của vụ án theo quy định tại Điều 94 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Do nguyên đơn và bị đơn đều có đề nghị vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết, yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không

tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Bích H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Qua lời trình bày của bà H và ông K, có cơ sở xác định: bà H và ông K có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 40 do Ủy ban nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 08/11/2016, tại thời điểm đăng ký kết hôn, hai bên có đủ điều kiện kết hôn theo quy định nên quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông K là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống, hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải hòa, bà H đã định cư ở nước ngoài, do khoảng cách địa lý nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, không có sự gắn kết sâu đậm về tình cảm vợ chồng. Do hai bên đang sinh sống và làm việc ở hai nước khác nhau nên không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, nay bà H yêu cầu được ly hôn với ông K, ông K cũng đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn của bà H và ông K.

- Về con chung: bà H và ông K không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: bà H và ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nguyên đơn bà Trần Thị Bích H chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà **Trần Thị Bích H (Tran Thi Bich Huyen)**, sinh năm 1983 và ông **Trần Anh K**, sinh năm 1989.

Giấy chứng nhận kết hôn số 40 do Ủy ban nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 08/11/2016 cho bà Trần Thị Bích H (Tran Thi Bich Huyen) và ông Trần Anh K hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung: bà H và ông K không có con chung.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà Trần Thị Bích H chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà H đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0093759 ngày 11/3/2021 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. bà H đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền, thời hạn kháng cáo: Bà Trần Thị Bích H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Ông Trần Anh K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP.HCM;
- UBND huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh;
- UBND xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án, (Đời-Tr), 18.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Mạnh Đoàn Trang

